



---

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
(đã được kiểm toán)

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-39



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Mai Xuân Ngọt	Chủ tịch
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Văn Toàn	Ủy viên
Ông Dương Ngọc Tú	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Duy	Ủy viên
Ông Đỗ Hùng Dương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vương Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Dũng Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Tô Hanh	Trưởng ban
Ông Đinh Huy Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Kim Lan	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

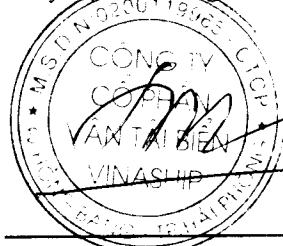
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Vương Ngọc Sơn**  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2017

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship được lập ngày 19 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề sau: Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã lập Báo cáo tài chính dựa trên giả định hoạt động liên tục như đã được trình bày tại Thuyết minh số 1 - "Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính" trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

**Vũ Xuân Biễn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

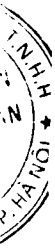
*Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2017*

**Trương Thị Hoài Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

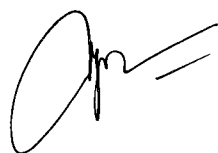
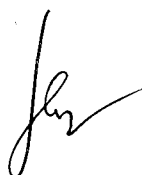
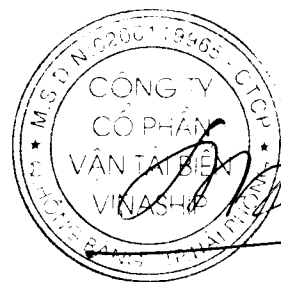
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>151.480.646.315</b>	<b>173.239.077.031</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	13.880.027.622	42.374.661.125
111	1. Tiền		13.880.027.622	29.374.661.125
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	13.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	30.600.585.202	15.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.600.585.202	15.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		60.137.677.805	65.686.124.009
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	39.199.550.582	41.282.469.747
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.018.973.184	175.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	19.299.853.414	24.228.654.262
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.380.699.375)	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	32.511.308.079	33.222.881.870
141	1. Hàng tồn kho		32.511.308.079	33.222.881.870
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.351.047.607	16.955.410.027
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	2.895.455.780	7.053.530.123
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.080.645.228	1.526.933.305
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	8.374.946.599	8.374.946.599
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>796.755.433.166</b>	<b>882.698.107.540</b>
220	II. Tài sản cố định		781.361.525.851	877.764.136.840
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	781.361.525.851	877.764.136.840
222	- Nguyên giá		1.667.808.385.433	1.668.555.738.593
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(886.446.859.582)	(790.791.601.753)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		238.654.500	238.654.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(238.654.500)	(238.654.500)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	-	-
231	- Nguyên giá		5.785.803.477	5.785.803.477
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.785.803.477)	(5.785.803.477)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		91.957.200	91.957.200
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	91.957.200	91.957.200
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	4.286.982.250	4.404.613.500
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.998.468.525	5.998.468.525
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.711.486.275)	(1.593.855.025)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		11.014.967.865	437.400.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	11.014.967.865	437.400.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>948.236.079.481</b>	<b>1.055.937.184.571</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>870.779.879.554</b>	<b>879.868.585.185</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>376.228.741.824</b>	<b>321.137.981.485</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	59.251.784.467	42.790.780.549
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	1.095.600.422	367.278.722
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3.060.968.574	3.115.540.191
314	4. Phải trả người lao động		9.692.267.568	14.059.855.088
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	4.194.466.839	4.275.461.903
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	68.393.939	22.393.937
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	47.006.088.442	41.449.807.527
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	248.041.027.473	210.853.419.468
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.818.144.100	4.203.444.100
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>494.551.137.730</b>	<b>558.730.603.700</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	3.930.514.730	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	490.620.623.000	558.730.603.700
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>77.456.199.927</b>	<b>176.068.599.386</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>77.456.199.927</b>	<b>176.068.599.386</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		82.932.721.854	82.932.721.854
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(205.476.521.927)	(106.864.122.468)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(106.864.122.468)	(67.157.721.512)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(98.612.399.459)	(39.706.400.956)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>948.236.079.481</b>	<b>1.055.937.184.571</b>


Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập

Trần Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởngVương Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2017



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	532.185.914.046	695.322.884.393
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		532.185.914.046	695.322.884.393
11	4. Giá vốn hàng bán	25	549.744.804.080	642.407.915.918
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(17.558.890.034)	52.914.968.475
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	7.631.558.741	1.601.261.774
22	7. Chi phí tài chính	27	52.821.763.757	70.433.866.034
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		40.966.344.084	38.294.674.473
25	8. Chi phí bán hàng	28	6.416.081.919	10.207.377.530
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	28.776.980.125	27.539.518.986
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(97.942.157.094)	(53.664.532.301)
31	11. Thu nhập khác	30	450.973.035	14.290.476.258
32	12. Chi phí khác	31	1.121.215.400	332.344.913
40	13. Lợi nhuận khác		(670.242.365)	13.958.131.345
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(98.612.399.459)	(39.706.400.956)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(98.612.399.459)	(39.706.400.956)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	(4.931)	(1.985)

35 - C  
TY  
HỮU  
HẠN  
CÔNG  
TY  
HẢI PHÒNG  
HÀNG  
HẢI PHÒNG

Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập

Trần Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng



Vương Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		554.707.395.498	728.938.927.562
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(404.791.163.937)	(524.067.019.892)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(73.501.438.549)	(86.240.146.658)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(30.643.109.294)	(43.319.821.527)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16.937.880.362	19.205.077.928
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(39.932.468.509)	(51.481.614.390)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>22.777.095.571</b>	<b>43.035.403.023</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.382.837.561)	(54.200.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		471.000.000	54.975.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(60.854.960.395)	(15.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		45.254.375.193	-
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	6.885.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.181.277.700	40.213.512
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(14.331.145.063)</b>	<b>39.967.898.512</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		289.289.308.631	336.841.273.031
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(326.220.127.562)	(391.151.282.036)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.775.000)	(1.580.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(36.939.593.931)</b>	<b>(54.311.589.005)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(28.493.643.423)</b>	<b>28.691.712.530</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		42.374.661.125	13.667.212.048
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(990.080)	15.736.547
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>13.880.027.622</u>	<u>42.374.661.125</u>



Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập

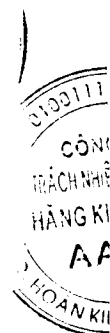


Trần Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng



Vương Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2017



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

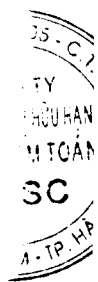
#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cẩu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Dịch vụ hợp tác lao động);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Cho thuê văn phòng);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác (Chi tiết: Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển);
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (không bao gồm đại lý hàng hóa bảo hiểm, chứng khoán, môi giới bảo hiểm, chứng khoán, tài chính, bất động sản);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;



**Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo):**

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Chi tiết: Đại lý bảo hiểm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

- Tại thời điểm 31/12/2016, lỗ lũy kế là 205.476.521.927 đồng (tại 31/12/2015 là 106.864.122.468 đồng), nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn số tiền 224.748.095.509 đồng (tại 31/12/2015 là 147.898.904.454 đồng). Việc thiếu hụt vốn lưu động có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hiện tại và khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

Để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty, Ban Giám đốc đang làm việc với các ngân hàng để điều chỉnh lại kế hoạch trả nợ của các khoản vay dài hạn để mua, đóng mới tàu biển theo Quyết định số 276/QĐ-Ttg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015. Theo Quyết định này, Chính phủ chỉ đạo các Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng hỗ trợ, giúp đỡ giải quyết các khó khăn hiện tại của doanh nghiệp như cơ cấu lại các khoản vay theo hướng giãn, khoanh nợ gốc và miễn, giảm lãi vay. Tổng công ty Hàng hải Việt Nam cũng chỉ đạo các doanh nghiệp thành viên làm việc với các ngân hàng thực hiện cơ cấu các khoản nợ vay như trên. Vì vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

- Trong năm 2016, thị trường tàu hàng khô thế giới vẫn tiếp tục diễn biến xấu, thị trường vận tải biển ảm đạm, nguồn cung tấn trọng tải rỗng vượt xa lượng cầu vận chuyển hàng hóa, tình trạng nhiều tàu cạnh tranh một đơn hàng là rất phổ biến khiến người vận tải luôn ở thế bất lợi trong đàm phán giá cước và các điều kiện vận chuyển, đồng thời bị động về các phương án khai thác. Thời gian chuyển kéo dài do mật độ tàu tham gia vận chuyển quá đông, gặp nhiều lần khả năng giải phóng binh quân của cảng dỡ hàng. Trong năm 2016, công ty có 05 tàu lên đà sửa chữa lớn làm giảm số ngày tàu khai thác. Vì vậy, doanh thu vận tải biển trong năm 2016 sụt giảm so với năm 2015 đồng thời năm 2016 không có thu nhập bán tàu, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh toàn công ty. Bên cạnh đó việc có 05 tàu lên đà sửa chữa lớn làm cho doanh thu vận tải biển sụt giảm nhưng chi phí đội tàu không giảm tương ứng dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2016 lỗ tăng cao so với cùng kỳ.

**Cấu trúc doanh nghiệp****Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Chi nhánh tại Quảng Ninh	Quảng Ninh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Xí nghiệp dịch vụ vận tải	Hải Phòng	Xếp dỡ, đại lý giao nhận, vận chuyển container và các hàng hóa khác, ...
Xí nghiệp xếp dỡ vận tải và dịch vụ	Hải Phòng	Dịch vụ xếp dỡ, thu gom hàng hóa, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa, ....

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

### **2.4 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.





Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.10 . Tài sản cố định và bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |         |     |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 25 | năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 06 - 10 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 20 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 06 | năm |
| - Phần mềm quản lý                | 03 - 06 | năm |



Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 30 năm

#### **2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### **2.13 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### **2.16 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.18 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo văn bản số 562/CT-TT&HT ngày 04/05/2013 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng, Công ty được hưởng những ưu đãi về thuế như sau:

1. Ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập có được thuộc các ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty do Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước:

- Ưu đãi thuế suất thuế TNDN: Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 20% từ năm 2007 đến năm 2016.
- Ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN: Công ty được miễn 02 năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp 03 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011).

Các khoản thu nhập không thuộc các ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty thì không được ưu đãi thuế TNDN (gồm ưu đãi thuế suất và ưu đãi miễn thuế, giảm thuế).

2. Ưu đãi thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ thanh lý tàu biển (tài sản cố định được sử dụng để vận tải biển thuộc ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty): Công ty phát sinh thu nhập là thanh lý tàu biển (là tài sản cố định được sử dụng để vận tải biển thuộc ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh được ưu đãi) thì được hưởng ưu đãi như mục 1 nếu Công ty thực hiện trích khấu hao cao hơn mức tối thiểu và hạch toán sửa chữa tàu vào chi phí hợp lý khi tính thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**2.22 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	731.352.500	1.349.954.520
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.148.675.122	28.024.706.605
Các khoản tương đương tiền	-	13.000.000.000
	<b>13.880.027.622</b>	<b>42.374.661.125</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	30.600.585.202	30.600.585.202	15.000.000.000	15.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	30.600.585.202	30.600.585.202	15.000.000.000	15.000.000.000
	<b>30.600.585.202</b>	<b>30.600.585.202</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>

Tại 31/12/2016, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 5,4%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>b) Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>5.998.468.525</b>	<b>101.942.250</b>	<b>(1.711.486.275)</b>	<b>5.998.468.525</b>	<b>219.573.500</b>	<b>(1.593.855.025)</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	409.605	319.050	(90.555)	409.605	307.300	(102.305)
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	1.276.000.000	61.200.000	(1.214.800.000)	1.276.000.000	162.000.000	(1.114.000.000)
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	537.018.920	40.423.200	(496.595.720)	537.018.920	57.266.200	(479.752.720)
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (*)	4.185.040.000		-	4.185.040.000		-
	<b>5.998.468.525</b>	<b>101.942.250</b>	<b>(1.711.486.275)</b>	<b>5.998.468.525</b>	<b>219.573.500</b>	<b>(1.593.855.025)</b>

**Ghi chú:** Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên các sàn giao dịch tại ngày 31/12/2016.

(\*): Đối với cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam là cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC	-	4.273.500.000
- Công ty TNHH Friesland Campina Việt Nam	3.742.790.150	8.265.549.600
- Các khoản phải thu khách hàng khác	35.456.760.432	28.743.420.147
	<b>39.199.550.582</b>	<b>41.282.469.747</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Cty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu	3.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Quang Trung	-	-	100.000.000	-
Trường Cao đẳng Bách nghệ Hải Phòng	-	-	75.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	18.973.184	-	-	-
	<b>3.018.973.184</b>	<b>-</b>	<b>175.000.000</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2.237.753.263	-	2.781.001.367	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	84.654.394	-	119.808.126	-
Tạm ứng	5.091.377.498	-	6.270.409.411	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	2.155.924.849	-
Các khoản chi hộ	1.103.319.653	-	1.238.552.884	-
Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	-	7.342.487.574	-
Phải thu tiền bảo hiểm	2.642.995.315	-	3.502.799.582	-
Phải thu khác	797.265.717	-	817.670.469	-
	<b>19.299.853.414</b>	<b>-</b>	<b>24.228.654.262</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**8 . NỢ XẤU**

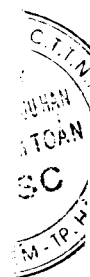
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	-	-	-
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	-	-	-
- Các đối tượng khác	259.306.742	-	-	-
	<b>1.380.699.375</b>	-	-	-

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.075.067.999	-	32.799.470.738	-
Hàng hoá	436.240.080	-	423.411.132	-
	<b>32.511.308.079</b>	-	<b>33.222.881.870</b>	-

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	91.957.200	91.957.200
- Dự án xây bãi Container Hậu Phương Đình Vũ - Hải Phòng	91.957.200	91.957.200
	<b>91.957.200</b>	<b>91.957.200</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	27.594.201.494	100.752.694	1.640.526.630.156	334.154.249	1.668.555.738.593
- Mua trong năm	-	30.000.000	1.037.323.636	-	1.067.323.636
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	201.700.856	-	-	-	201.700.856
- Thanh lý, nhượng bán	(155.635.000)	-	(1.860.742.652)	-	(2.016.377.652)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>27.640.267.350</b>	<b>130.752.694</b>	<b>1.639.703.211.140</b>	<b>334.154.249</b>	<b>1.667.808.385.433</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	13.842.754.218	100.752.694	776.555.398.560	292.696.281	790.791.601.753
- Khấu hao trong năm	1.122.536.090	2.004.609	96.519.924.323	12.318.180	97.656.783.202
- Thanh lý, nhượng bán	(140.782.721)	-	(1.860.742.652)	-	(2.001.525.373)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.824.507.587</b>	<b>102.757.303</b>	<b>871.214.580.231</b>	<b>305.014.461</b>	<b>886.446.859.582</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	13.751.447.276	-	863.971.231.596	41.457.968	877.764.136.840
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>12.815.759.763</b>	<b>27.995.391</b>	<b>768.488.630.909</b>	<b>29.139.788</b>	<b>781.361.525.851</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 765.680.759.113 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 72.656.240.278 đồng.





**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng nguyên giá là 238.654.500 đồng.

**13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản của Công ty bao gồm hệ thống bãi Container, nhà kho và các công trình phụ trợ tại Hải Phòng và Đà Nẵng được sử dụng để cho thuê với tổng nguyên giá là 5.785.803.477 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến 31/12/2016 là 5.785.803.477 đồng.

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển	2.842.118.307	528.770.340
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	6.317.469.889
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	53.337.473	207.289.894
	<b>2.895.455.780</b>	<b>7.053.530.123</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí công ước lao động hàng hải các tàu	-	437.400.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	11.014.967.865	-
	<b>11.014.967.865</b>	<b>437.400.000</b>

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
MONJASA	3.794.761.700	3.794.761.700	7.426.720.931	7.426.720.931
BMS United	7.179.448.184	7.179.448.184	598.139.442	598.139.442
Bunkers ( Asia)				
PTE LTD				
Phải trả các đối tượng khác	48.277.574.583	48.277.574.583	34.765.920.176	34.765.920.176
	<b>59.251.784.467</b>	<b>59.251.784.467</b>	<b>42.790.780.549</b>	<b>42.790.780.549</b>

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tổng Công ty lương thực miền Nam	726.556.949	7.391.586
Thorco Shipping A/S, Dlenmark	248.856.905	245.900.839
Người mua trả tiền trước khác	120.186.568	113.986.297
	<b>1.095.600.422</b>	<b>367.278.722</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	801.682	3.035.072.575	1.063.486.259	1.064.007.732	801.682	3.034.551.102
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	167.049.903	167.049.903	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.374.144.917	-	-	-	8.374.144.917	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	80.467.616	296.810.664	350.860.808	-	26.417.472
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	1.545.916.500	1.545.916.500	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
	<b>8.374.946.599</b>	<b>3.115.540.191</b>	<b>3.080.263.326</b>	<b>3.134.834.943</b>	<b>8.374.946.599</b>	<b>3.060.968.574</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.024.695.660	1.435.166.620
- Chi phí bảo hiểm phải trả	665.233.179	2.690.455.283
- Chi phí phải trả khác	2.504.538.000	149.840.000
	<u><b>4.194.466.839</b></u>	<u><b>4.275.461.903</b></u>

**19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng	68.393.939	22.393.937
	<u><b>68.393.939</b></u>	<u><b>22.393.937</b></u>

**20 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	2.714.231.145	2.694.052.769
- Bảo hiểm y tế	148.661.477	37.050.886
- Phải trả về cổ phần hoá	2.401.379.706	2.401.379.706
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.029.205.000	10.037.980.000
- Phải trả lãi vay	25.492.500.162	18.925.873.977
- Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	3.747.768.014	2.072.482.577
- Phải trả khác cho thuyền viên	-	727.041.994
- Phải trả thuế TNCN của thuyền viên	144.090.249	2.924.413.580
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.328.252.689	1.629.532.038
	<u><b>47.006.088.442</b></u>	<u><b>41.449.807.527</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Phải trả lãi vay	3.930.514.730	-
	<u><b>3.930.514.730</b></u>	<u><b>-</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>122.533.666.967</b>	<b>122.533.666.967</b>	<b>289.633.288.701</b>	<b>295.923.825.163</b>	<b>116.243.130.505</b>	<b>116.243.130.505</b>
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	97.543.666.967	97.543.666.967	289.333.288.701	295.923.825.163	90.953.130.505	90.953.130.505
- Vay cá nhân	24.990.000.000	24.990.000.000	300.000.000	-	25.290.000.000	25.290.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>88.319.752.501</b>	<b>88.319.752.501</b>	<b>78.779.274.416</b>	<b>35.301.129.949</b>	<b>131.797.896.968</b>	<b>131.797.896.968</b>
	<b>210.853.419.468</b>	<b>210.853.419.468</b>	<b>368.412.563.117</b>	<b>331.224.955.112</b>	<b>248.041.027.473</b>	<b>248.041.027.473</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn Ngân hàng	647.050.356.201	647.050.356.201	13.303.537.000	37.935.373.233	622.418.519.968	622.418.519.968
- Trái phiếu thường	-	-	-	-	-	-
- Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
	<b>647.050.356.201</b>	<b>647.050.356.201</b>	<b>13.303.537.000</b>	<b>37.935.373.233</b>	<b>622.418.519.968</b>	<b>622.418.519.968</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(88.319.752.501)	(88.319.752.501)	(78.779.274.416)	(35.301.129.949)	(131.797.896.968)	(131.797.896.968)
<b>Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<b>558.730.603.700</b>	<b>558.730.603.700</b>			<b>490.620.623.000</b>	<b>490.620.623.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,

Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn của hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016			Mục đích vay
				USD	VND	Tổng VND tương đương	
<b>1</b>	<b>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng</b>					<b>70.238.297.891</b>	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0509/2016/HĐTDMRS ngày 26/07/2016	70 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương	12 tháng kể từ ngày 21/07/2016	491.615,63	59.024.545.371	70.238.297.891	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
<b>2</b>	<b>Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng</b>					<b>20.714.832.614</b>	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2921/16/HĐTDHM-DN/099 ngày 28/07/2016	287.000 USD hoặc VND quy đổi tương đương	12 tháng từ ngày 28/07/2016 đến ngày 28/07/2017				
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0820/15/HĐTDHM-DN/099 ngày 28/12/2015. Gia hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6488/16/HĐTDHM-DN/099 ngày 18/01/2017.	700.000 USD hoặc VND quy đổi tương đương	12 tháng từ ngày 28/12/2015 đến ngày 28/12/2016. Gia hạn từ 18/01/2017 đến 18/01/2018	908.146,98	-	20.714.832.614	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải biển
<b>3</b>	<b>Vay các cá nhân khác</b>					<b>25.290.000.000</b>	
	Căn cứ các hợp đồng vay cá nhân cụ thể	Không áp dụng	12 tháng	-	25.290.000.000	25.290.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
	<b>Tổng cộng</b>					<b>116.243.130.505</b>	

**Ghi chú:** Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng. Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016			Số dư nợ gốc phải trả trong năm 2017			Mục đích vay
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương	
<b>1</b>	<b>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng</b>				<b>102.035.450.000</b>			<b>63.812.400.000</b>	
	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007)	180 tháng từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 12/2006)	72.335.450.000	-	72.335.450.000	35.878.800.000	-	35.878.800.000	Đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng khô 12.500 DWT - chiếc 03/KH 2005
	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 02A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 02/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007)	180 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2003)	29.700.000.000	-	29.700.000.000	27.933.600.000	-	27.933.600.000	Đầu tư dự án đóng tàu chở hàng bách hóa loại 6.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước
<b>2</b>	<b>Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng</b>				<b>164.987.011.000</b>			<b>45.515.074.000</b>	
	Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0033/09/HP ngày 11/03/2009 và các phụ lục bổ sung	132 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 27/03/2009)		- 3.242.700,00	73.965.987.000		- 997.800,00	22.759.818.000	Mua tàu chở hàng khô Vinaship Diamond theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 05/03/2009
	Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0198/09/HP ngày 12/10/2009 và các phụ lục bổ sung	132 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 17/10/2009)		- 3.990.400,00	91.021.024.000		- 997.600	22.755.256.000	Mua tàu chở hàng khô Vinaship Pearl theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 25/08/2009

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016			Số dư nợ gốc phải trả trong năm 2017			Mục đích vay
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương	
3	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân				143.616.613.968			9.696.822.968	
	Hợp đồng tín dụng số 01.09/HĐTD-DH ngày 01/12/2009 và các văn bản sửa đổi bổ sung	180 tháng kể từ ngày 04/01/2010 đến ngày 04/01/2025		- 6.296.212,80	143.616.613.968		- 425.112,80	9.696.822.968	Mua tàu biển Vinaship Sea, trọng tải 27.841 tấn, do Nhật Bản sản xuất năm 1998
4	Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đống Đa				211.779.445.000			12.773.600.000	
	Hợp đồng tín dụng số 015/2011/HĐCVHV/BVBHP-IVBMĐ-VNA ngày 17/02/2011	180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng cho vay (ngày 07/03/2011)		- 9.284.500,00	211.779.445.000		- 560.000,00	12.773.600.000	Đầu tư mua tàu chở hàng tổng hợp Vinaship Star trọng tải 23.949 DWT
	<b>Tổng cộng</b>				<b>622.418.519.968</b>			<b>131.797.896.968</b>	

**Ghi chú:** Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng và các khoản vay này đều được thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

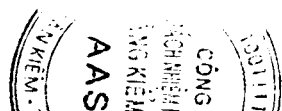


**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(67.157.721.512)	215.775.000.342
Lỗ trong năm trước	-	-	(39.706.400.956)	(39.706.400.956)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(106.864.122.468)	176.068.599.386
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	82.932.721.854	(106.864.122.468)	176.068.599.386
Lỗ trong năm nay	-	-	(98.612.399.459)	(98.612.399.459)
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	82.932.721.854	(205.476.521.927)	77.456.199.927





**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	51,00%	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000
Các cổ đông khác	49,00%	98.000.000.000	49,00%	98.000.000.000
	<b>100%</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>200.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	200.000.000.000	200.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	82.932.721.854	82.932.721.854
	<b>82.932.721.854</b>	<b>82.932.721.854</b>

**23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	313.948,70	116.092,08

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	303.509.700	303.509.700

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	424.329.876.172	549.988.545.481
Doanh thu cung cấp dịch vụ	107.856.037.874	145.334.338.912
	<b><u>532.185.914.046</u></b>	<b><u>695.322.884.393</u></b>

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động vận tải biển	451.211.924.208	508.521.305.585
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	98.532.879.872	133.886.610.333
	<b><u>549.744.804.080</u></b>	<b><u>642.407.915.918</u></b>

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.001.738.717	50.181.361
Lãi bán các khoản đầu tư	-	2.100.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.000	157.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.629.813.024	1.548.823.413
	<b><u>7.631.558.741</u></b>	<b><u>1.601.261.774</u></b>

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	40.966.344.084	38.294.674.473
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.071.624.646	3.520.587.032
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	6.659.027.351	28.372.438.956
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	117.631.250	236.864.800
Chi phí tài chính khác	7.136.426	9.300.773
	<b><u>52.821.763.757</u></b>	<b><u>70.433.866.034</u></b>

**28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hoa hồng phí cho các tàu	6.416.081.919	10.207.377.530
	<b><u>6.416.081.919</u></b>	<b><u>10.207.377.530</u></b>

111  
CÔNG  
NHỆ  
G KI  
A F  
1 N KI

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thu, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	617.633.183	1.073.662.714
Chi phí nhân công	17.003.015.287	17.807.906.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	358.686.719	270.683.010
Thuế, phí, lệ phí	23.568.000	556.193.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	1.380.699.375	(38.724.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.567.820.244	5.415.237.849
Chi phí khác bằng tiền	2.825.557.317	2.454.559.479
	<b>28.776.980.125</b>	<b>27.539.518.986</b>

**30 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	438.329.538	13.802.259.093
Lãi chậm nộp được miễn	-	436.118.902
Thu nhập khác	12.643.497	52.098.263
	<b>450.973.035</b>	<b>14.290.476.258</b>

**31 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Cãng phí các tàu cũ đã bán	815.481.143	-
Chi phí khác	305.734.257	332.344.913
	<b>1.121.215.400</b>	<b>332.344.913</b>

**32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(98.612.399.459)	(39.706.400.956)
Các khoản điều chỉnh tăng	60.533.312	56.999.423
- Chi phí không hợp lệ	24.000.000	53.969.721
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	36.533.312	3.029.702
Các khoản điều chỉnh giảm	(173.505.274.673)	(133.855.866.140)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(7.000)	(157.000)
- Chuyển lỗ các năm trước	(173.505.267.673)	(133.855.709.140)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(272.057.140.820)	(173.505.267.673)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(8.374.144.917)	(8.374.144.917)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(8.374.144.917)</b>	<b>(8.374.144.917)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(98.612.399.459)	(39.706.400.956)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(98.612.399.459)	(39.706.400.956)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(4.931)</b>	<b>(1.985)</b>

**34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	149.596.181.851	197.482.876.797
Chi phí nhân công	80.874.328.488	91.896.879.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.656.783.202	98.009.923.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	247.360.550.377	281.582.110.562
Chi phí khác bằng tiền	8.069.322.831	11.221.746.031
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	1.380.699.375	(38.724.000)
	<b>584.937.866.124</b>	<b>680.154.812.434</b>

**35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.880.027.622	-	42.374.661.125	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	58.499.403.996	(1.380.699.375)	65.511.124.009	-
Đầu tư ngắn hạn	30.600.585.202	-	15.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	5.998.468.525	(1.711.486.275)	5.998.468.525	(1.593.855.025)
	<b>108.978.485.345</b>	<b>(3.092.185.650)</b>	<b>128.884.253.659</b>	<b>(1.593.855.025)</b>
			<b>Giá trị sổ kế toán</b>	
			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			738.661.650.473	769.584.023.168
Phải trả người bán, phải trả khác			110.188.387.639	84.240.588.076
Chi phí phải trả			4.194.466.839	4.275.461.903
			<b>853.044.504.951</b>	<b>858.100.073.147</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.880.027.622	-	-	13.880.027.622
Phải thu khách hàng, phải thu khác	57.118.704.621	-	-	57.118.704.621
Đầu tư ngắn hạn	30.600.585.202	-	-	30.600.585.202
Đầu tư dài hạn	-	4.286.982.250	-	4.286.982.250
	<b>101.599.317.445</b>	<b>4.286.982.250</b>	<b>-</b>	<b>105.886.299.695</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.374.661.125	-	-	42.374.661.125
Phải thu khách hàng, phải thu khác	65.511.124.009	-	-	65.511.124.009
Đầu tư ngắn hạn	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	4.404.613.500	-	4.404.613.500
	<b>122.885.785.134</b>	<b>4.404.613.500</b>	<b>-</b>	<b>127.290.398.634</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Vay và nợ	248.041.027.473	304.345.039.000	186.275.584.000	738.661.650.473
Phải trả người bán, phải trả khác	106.257.872.909	3.930.514.730	-	110.188.387.639
Chi phí phải trả	4.194.466.839	-	-	4.194.466.839
	<b>358.493.367.221</b>	<b>308.275.553.730</b>	<b>186.275.584.000</b>	<b>853.044.504.951</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Vay và nợ	210.853.419.468	347.660.129.700	211.070.474.000	769.584.023.168
Phải trả người bán, phải trả khác	84.240.588.076	-	-	84.240.588.076
Chi phí phải trả	4.275.461.903	-	-	4.275.461.903
	<b>299.369.469.447</b>	<b>347.660.129.700</b>	<b>211.070.474.000</b>	<b>858.100.073.147</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	289.289.308.631	336.841.273.031
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	326.220.127.562	391.151.282.036

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	424.329.876.172	107.856.037.874	532.185.914.046
Chi phí bộ phận trực tiếp	451.211.924.208	98.532.879.872	549.744.804.080
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(26.882.048.036)</b>	<b>9.323.158.002</b>	<b>(17.558.890.034)</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	1.269.024.492	1.269.024.492
Tài sản bộ phận trực tiếp	839.367.516.166	31.843.688.570	871.211.204.736
Tài sản không phân bổ	-	-	77.024.874.745
<b>Tổng tài sản</b>	<b>839.367.516.166</b>	<b>31.843.688.570</b>	<b>948.236.079.481</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	836.419.459.515	10.089.209.864	846.508.669.379
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	24.271.210.175
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>836.419.459.515</b>	<b>10.089.209.864</b>	<b>870.779.879.554</b>

Theo khu vực địa lý

	Trong nước	Quốc tế	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	191.992.010.559	340.193.903.487	532.185.914.046
Tài sản bộ phận	382.183.638.206	566.052.441.275	948.236.079.481
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.269.024.492	-	1.269.024.492

**39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
<b>Cổ tức phải trả</b>		<b>9.400.000.000</b>	<b>9.400.000.000</b>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Tổng Công ty	9.400.000.000	9.400.000.000
<b>Phải trả về cổ phần hóa</b>		<b>2.401.379.706</b>	<b>2.401.379.706</b>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Tổng Công ty	2.401.379.706	2.401.379.706

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.083.191.185	2.170.419.176

11/12  
CÔNG TY  
HÀNG HẢI  
VIỆT NAM  
KIỂM T  
ASC  
11.12

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

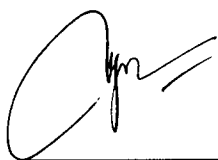
Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính**

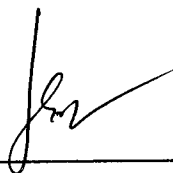
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**40 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

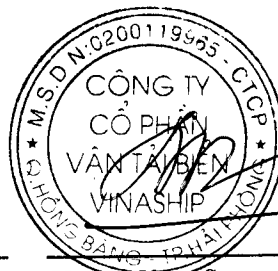
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Nguyễn Bảo Ngọc**  
Người lập



**Trần Thị Thanh Hương**  
Kế toán trưởng



**Vương Ngọc Sơn**  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2017

